TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 163/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 22-7-2020
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thiên Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hoàng

2. Bà Trần Thị Đổi

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 22 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 713/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2020 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 219/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2020; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1975

HKTT: Ấp 2, xã H, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Tạm trú: Ấp B1, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Bị đơn: Ông Ngô Minh V, sinh năm 1978

HKTT: Ấp 2, xã H, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Tạm trú: Ấp B1, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06/7/2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Ngô Minh V chung sống với nhau vào năm 1994 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đức Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An vào ngày 24/11/2009. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2010

thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, ông V thường xuyên đánh đập bà. Bà và ông V đã ly thân nhau từ tháng 6/2020 đến nay. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà và ông V không còn nên bà yêu cầu ly hôn với ông V.

Về nuôi con chung: Bà và ông V có hai con chung tên Ngô Kim Tiền, sinh ngày 10/10/1997 (đã trưởng thành) và Ngô Kim Tiến, sinh ngày 21/10/2009. Hiện cháu Tiến đang sống với ông V. Khi ly hôn, bà đồng ý giao cháu Tiến cho ông V tiếp tục nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà xác định giữa bà và ông V không có tài sản chung và không có nợ chung.

Bị đơn ông Ngô Minh V trình bày:

Về hôn nhân: Ông thống nhất lời trình bày của bà Đ về thời gian kết hôn. Theo ông, giữa vợ chồng không có bất kỳ mâu thuẫn gì để dẫn đến việc ly hôn. Ông và bà Đ đã ly thân nhau từ tháng 6/2020. Nay ông vẫn còn tình cảm với bà Đ nên trước yêu cầu ly hôn của bà Đ, ông không đồng ý.

Về nuôi con chung: Ông và bà Đ có hai con chung tên Ngô Kim Tiền, sinh ngày 10/10/1997 (đã trưởng thành) và Ngô Kim Tiến, sinh ngày 21/10/2009. Hiện cháu Tiến đang sống với ông. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đ, ông yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Tiến, không yêu cầu bà Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông xác định giữa ông và bà Đ không có tài sản chung và không có nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Ngô Minh V. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] *Về hôn nhân:* Xét thấy hôn nhân giữa bà Đ và ông V là hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, đến năm 2010 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nay bà Đ xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên yêu cầu ly hôn. Trước yêu cầu ly hôn của bà Đ thì ông V không đồng ý. Tuy nhiên, từ khi hai bên ly thân nhau đến nay, ông V không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà Đ và ông V đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt

được. Do đó, căn cứ Đ 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đ.

[2.2] *Về nuôi con chung:* Bà Đ và ông V thống nhất có hai con chung tên Ngô Kim Tiền, sinh ngày 10/10/1997 (đã trưởng thành) và Ngô Kim Tiến, sinh ngày 21/10/2009. Khi ly hôn, ông V yêu cầu được nuôi cháu Tiến. Xét thấy, hiện cháu Tiến đang sống với ông V, cuộc sống đã ổn định, khả năng ông V có thể chăm sóc con chung tốt. Hơn nữa, bà Đ cũng đồng ý giao cháu Tiến cho ông V nuôi dưỡng. Do đó, căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, giao cháu Tiến cho ông V tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

[2.3] *Về phần cấp dưỡng nuôi con:* Do ông V không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] *Về tài sản chung, nợ chung:* Bà Đ và ông V thống nhất xác định không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về án phí:* Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Đ 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Đ 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Đ 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ về việc *"Ly hôn"* với ông Ngô Minh V.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Đ được ly hôn với ông Ngô Minh V.

2. Về nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Đ và ông Ngô Minh V có hai con chung tên Ngô Kim Tiền, sinh ngày 10/10/1997 (đã trưởng thành) và Ngô Kim Tiến, sinh ngày 21/10/2009. Khi ly hôn, ông V được nuôi cháu Tiến, bà Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Toà án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo luật định.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005774 ngày 07/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Bà Đ đã nộp đủ án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An.
- VKSND huyện Đức Hòa.
- THADS huyện Đức Hòa.
- Ủy ban nhân dân thị trấn Đức Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.
- Các đương sự.
- Lưu HS, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Thiên Trang